TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST Ngày 25-02-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2020/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đồng Thị D, nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn M, nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Đồng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị D và anh Vũ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 03 tháng 10 năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại

Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực, tính cách, lối sống không phù hợp. Vợ chồng sống với nhau không có sự thông cảm, chia sẻ, yêu thương lẫn nhau, nhiều lần xảy ra cãi vã căng thẳng, thậm chí đánh nhau. Chị D đã bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh Vũ Văn M. Về con chung: Anh chị có 02 con là Vũ Thị Hồng N sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006 và Vũ Anh V sinh ngày 13 tháng 3 năm 2012, chị D nhận nuôi con Vũ Thị Hồng N và đề nghị giao con Vũ Anh V cho anh M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc chị D xin ly hôn anh nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, chị D và anh M đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 và 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị D được ly hôn anh Vũ Văn M. Về con chung: Giao con Vũ Thị Hồng N sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006 cho chị Đồng Thị D nuôi dưỡng, giao con Vũ Anh V sinh ngày 13 tháng 3 năm 2012 cho anh Vũ Văn M nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị D và anh M đều không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Đồng Thị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đồng Thị D có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh Vũ Văn M. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh M là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ những tài liệu sau đối với anh M: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh M vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và chị D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị D và anh Vũ Văn M kết hôn trên cở sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 03 tháng 10 năm 2005. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến đánh cãi, chửi nhau và anh chị cũng không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh M. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D xin ly hôn anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị D và anh M có 02 con chung là Vũ Thị Hồng N sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006 và Vũ Anh V sinh ngày 13 tháng 3 năm 2012. Xét thấy hiện nay chị D và anh M đều có công việc và thu nhập ổn định, cháu Nhung có đơn đề nghị ở với chị D, cháu Vương có đơn đề nghị ở với anh M .Vì vậy cần giao con Vũ Thị Hồng N cho chị Đồng Thị D nuôi dưỡng, giao con Vũ Anh V cho anh Vũ Văn M nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được

tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với giới tính và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị D được ly hôn anh Vũ Văn M.

2. Về con chung: Giao con Vũ Thị Hồng N sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006 cho chị Đồng Thị D nuôi dưỡng, giao con Vũ Anh V sinh ngày 13 tháng 3 năm 2012 cho anh Vũ Văn M nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đồng Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đồng Thị D đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011605 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị Đồng Thị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đồng Thị D và anh Vũ Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã A, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến